

Chiếc nón

--- không rõ tác giả ---

Người Việt Nam đã chế tác ra không biết bao nhiêu là loại nón: nón chóp nhọn đầu, nón thúng rộng vành, nón ba tầm mảnh dễ dành cho phụ nữ... Ngoài công dụng để che mưa nắng, nón còn là thứ để làm duyên, làm đẹp cho con người một cách tế nhị, kín đáo. Chiếc nón đã trở thành một thứ trang phục truyền thống, rồi đi vào thơ ca và nhạc họa.

Cùng với áo dài, áo cánh, váy lĩnh, yếm đào, thắt lưng bao... chiếc nón được coi là một thứ trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

Trước hết, nón là một đồ dùng rất "thực dụng". Nó dùng để che mưa nắng. Nón chóp nhọn đầu, nón thúng rộng vành, nón ba tầm như nón thúng nhưng mảnh dễ hơn... tất cả đều để che chắn cho những con người sống trên một dải đất nắng lắm mưa nhiều. Dù nón có nhiều loại, song nét đặc thù chung của nó là rộng vành (để chống nóng) và có mái dốc (để thoát nước nhanh, che mưa). Ngoài chức năng ứng phó với môi trường tự nhiên, chiếc nón còn hướng tới mục đích làm đẹp cho con người và phù hợp với cảm quan thẩm mỹ của người Việt: đẹp một cách tế nhị, kín đáo. Dưới vành nón, đôi mắt, nụ cười, lúm đồng tiền, những sợi tóc mai, cái gáy trắng ngần của cô gái dường như được tôn thêm nét duyên dáng, kín đáo mà không kém phần quyến rũ...

Người ta đội nón làm đồng, đi chợ, chơi hội. Tiễn cô gái về nhà chồng, bà mẹ đặt vào tay con chiếc nón thay cho bao nhiêu lời nhắn gửi yêu thương... Chiếc nón gợi nguồn cảm hứng cho thơ, cho nhạc. Đã có hẳn một bài về hát về nón: "Nón bài thơ, em đội nón bài thơ, đi đón ngày hội mở"... Giữa những kênh rạch, sông nước chằng chịt ở miệt vườn Nam Bộ, ai đó đã phải ngẩn ngơ vì: "Nón lá đội nghiêng tóc dài em gái xòa". Chiếc nón còn gợi nhớ dáng mẹ tảo tần: "Quê hương là cầu tre nhỏ/Mẹ về nón lá nghiêng che..". Trong những năm chiến tranh, tiễn người yêu ra chiến trường, các cô gái thường đội nón với cái quai màu tím thủy chung. Chỉ như vậy thôi đã hơn mọi lời thề non, hẹn biển, làm yên lòng người ra trận...

Chiếc nón xuất hiện từ khi nào không ai biết. Từ thời xưa đã có câu: "Nón chuông, khua lựa, quai thao làng Đo". Chiếc nón quai thao đã được các bà, các cô (tầng lớp trung lưu trở lên) ưa chuộng,

chiếm vị trí quan trọng trong trang phục lễ hội của phụ nữ mà thời Nguyễn được sử dụng phổ biến nhất. Ở Hà Nội xưa, các "cô ả" mười lăm, mười sáu - cái tuổi bắt đầu làm duyên, thường đi sắm chiếc nón Nghệ. Về cái nón Nghệ, nhà văn hóa Hoàng Đạo Thúy mô tả kỹ lưỡng thế này: "nón rộng đến 80 cm, sâu 10 cm, lằn lót đan bằng sợi tre rất nhỏ, đằng sau cài những mảnh gương vào. Nón Nghệ nặng lắm vì thế, cái "khua" phải cứng, sơn quang dầu. Lên Hàng Bạc sắm một bộ "chiên, thề". Chiên là miếng bạc vuông, trong đó có vòng tròn, chạm hai rồng châu mặt nguyệt. Hai chiếc thề cũng bằng bạc, to như quân bài tam cúc, chạm hoa lá, ở giữa có cái vòng để buộc quai thao. Cắm hai cái thề vào bên trong nón, đặt cái chiên vào đáy khua, rồi chờ phiên chợ hàng tơ, các bà làng Triều Khúc ra bán quai thao. Một bộ quai thao gồm tám sợi bằng tơ, mỗi sợi gồm nhiều sợi tơ, ngoài bọc tơ dệt liên tục, như bắc đèn con. Quai thao dài độ 1,5m. Hai đầu mỗi sợi thao là một quả găng, từ đó rủ xuống những chỉ tơ, dài độ 20 cm. Phải đưa thao mộc đi nhuộm thâm, nhuộm kỹ". Chỉ như thế cũng đủ biết chiếc nón được làm công phu đến mức nào.

Về cái quai thao của nón cũng rất nhiều chuyện thú vị. Có hẳn một làng giữ nghề làm thao. Ấy là làng Triều Khúc (Thanh Trì - Hà Nội) nổi tiếng dệt quai thao nón dệt nên còn có tên là Làng Đor Thao (để phân biệt với làng Đor Bùi, Đor Đồng cũng ở gần đấy, chuyên nghề làm ruộng). Làng này còn có đền thờ, tượng, và sự tích tổ sư nghề Thao là Vũ úy, thời Lê - Trịnh (thế kỷ 17-18) được cử sang sứ Trung Hoa và học được nghề dệt Thao, khi về vua phong làm "Cục trưởng cục Thao" và tổ chức dạy nghề này cho dân làng Triều Khúc - Đor Thao. Một cụ tổ nghề ở cánh đồng Miếu. Bia tạc đời Cảnh Hưng thứ sáu (1745). Bây giờ người làng vẫn còn truyền tụng câu ca như một niềm tự hào:

*Làng tôi công nghệ đâu bằng
Là làng Triều Khúc ở gần Thanh Xuân
Quai thao dệt khéo vô ngần
Là nghề của Vũ sử thần dạy cho...*

Thực ra, chiếc nón không hẳn là thứ phục trang chỉ dành cho phụ nữ. Bước chân vào một cửa hàng ở phố Hàng Nón - Hà Nội xưa, người ta có thể nhìn qua chiếc nón mà thấy đủ thứ "tước vị", "giai tầng" trong xã hội. Có nón "mũ chảo", nón "nông dân xứ Đoài". Các anh chạy xe ba gác thì kiếm một cái "nón cu li" ba xu. Các cậu lính lệ, phục dịch cửa quan thì đã có "nón lính" làm bằng thanh tre ken lại, giống như cái đĩa úp lên đầu, trên có chỏm đồng, sau có lưới vải che gáy. Mà trong "nón lính" lại còn có nón lính ma tà, rồi khổ đỏ, khổ xanh. Các bà ngồi chợ bao giờ vào hàng cũng tìm nón Nghệ, nón "nhị thôn", nón "ba tầng" treo đung đưa trên mái nhà... Đây là các loại nón dành cho "dân đen" còn các "quan phụ mẫu" dùng kiểu khác: tổng lý ưa nón lông quạ, bông bèo đồng, các quan nhỏ

chuộng nón chóp và bông bèo bạc, các cụ lớn thì dứt khoát phải nón lông trắng, bông bèo vàng. Các tao nhân nữ sĩ thì lòng cho kỳ được nón dứa Huế, Gò Găng, nhẹ và thanh lẫm.

Chiếc nón không chỉ là thứ đội đầu, che mưa, nắng. Trong khi dùng người ta còn "sáng tạo" ra bao nhiêu là công dụng. Này nhé: "Mùa nắng thì chụp lên đầu, có gió thì che diêm mà hút thuốc Lào, mỗi khi lết xuống ngồi, khát không có hàng nước thì hứng nước máy, lại còn lúc ngồi ngủ ở xe thì úp lên mặt cho ruồi khỏi bu lại, lúc nóng thì làm quạt... mà túng nữa thì làm cái rổ đựng đồ mua chợ ..." (Tam Lang - Tôi kéo xe).